TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2024
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2024/ TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị T**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh **Trần Trọng V**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Khu C, xã P, huyện P, tỉnh P; Chỗ ở hiện nay: P421, C, phường T, quận T, thành phố H.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh V có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai chị Đoàn Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Trần Trọng V kết hôn ngày 16/11/2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh P trên cơ sở tự do tìm hiểu lấy nhau hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng tại Khu C, xã P, huyện P, tỉnh P được một thời gian ngắn, sau đó hai vợ chồng chuyển xuống Hà Nội thuê nhà trọ để ở và làm việc, thi thoảng hai vợ chồng có về nhà bố mẹ chồng chơi vài ngày rồi lại đi. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống cũng như trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình và

chăm sóc con cái nên thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới nhau. Cuộc sống gia đình luôn ngột ngạt và không có hạnh phúc. Hai bên gia đình cũng đã động viên, khuyên bảo hai vợ chồng nhưng không thành. Từ tháng 9/2023 chị đã đưa con về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan hệ về mặt tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Trần Trọng V.

- Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung là Trần Việt A, sinh ngày 28/01/2022. Do cháu còn quá nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên nếu vợ chồng ly hôn, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Trần Trọng V trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Trọng V và chị Đoàn Thị T có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 16/11/2021 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ của anh tại Khu C, xã P, huyện P, tỉnh P được vài ngày, sau đó hai vợ chồng chuyển xuống Hà Nội thuê nhà trọ để ở và làm việc. Quá trình chung sống thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày về lối sống cũng như trong việc chăm sóc con cái. Từ tháng 9/2023, chị T đã tự ý đưa con về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên còn anh vẫn sống và làm việc tại Hà Nội. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan hệ về mặt tình cảm. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh tại Toà án nhân dân huyện P. Quan điểm của anh đồng ý giải quyết vụ án ly hôn của anh và chị T tại Toà án nhân dân huyện P nhưng anh không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái vì theo anh tuy vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn của vợ chồng anh chưa đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con sau này nên

- Về con chung: Anh xác định có 01 con chung là cháu Trần Việt A, sinh ngày 28/01/2022. Hiện cháu A đang sống cùng chị T tại Hưng Yên. Nếu trường hợp ly hôn đặt ra, anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T, cho chị T được ly hôn anh Trần Trọng V.

Về con chung: Giao cháu Trần Việt A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị T, anh V không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh P và trong quá trình giải quyết bị đơn có quan điểm đồng ý giải quyết vụ án tại Toà án nhân dân huyện P nên Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Đào Thị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị T1.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đoàn Thị T và anh Trần Trọng V kết hôn ngày 16/11/2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh P trên cơ sở tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyên nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng hôn nhân không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống cũng như trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình và chăm sóc con cái nên thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới nhau. Anh V trình bày tuy vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn của vợ chồng anh chưa đến mức trầm trọng không thể khắc phục được và anh không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con sau này nên anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái.

Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chị T anh V tại khu dân cư có sự chứng kiến của UBND xã P, kết quả: Anh V và chị T là công dân của khu 3, xã P, huyện P, tỉnh P.

Ngày 16/11/2021 anh chị đăng kí kết hôn tại UBND xã P, sau khi kết hôn về sống với bố mẹ chồng tại khu C, xã P. Mâu thuẫn cụ thể giữa anh chị như thế nào đại diện khu dân cư không nắm rõ, chỉ biết anh chị có sống ly thân nhau. UBND xã và đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật nhưng ưu tiên đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ và con chưa thành niên dưới 36 tháng tuổi.

Như vậy, cần xác định vợ chồng chị T và anh V có mâu thuẫn. Thực tế, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau, không duy trì cuộc sống chung. Quá trình giải quyết vụ án chị T kiên quyết xin ly hôn anh V. Hơn nữa, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù anh V không đồng ý ly hôn nhưng anh không có bất kỳ động thái nào để giải quyết mâu thuẫn, vun đắp cuộc sống hôn nhân để vợ chồng trở về đoàn tụ. Do đó, thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[3]. Về con chung:

Chị Đoàn Thị T và anh Trần Trọng V đều thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Việt A, sinh ngày 28/01/2022. Tính đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm thì cháu Việt A vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi. Hiện nay, cháu A đang sống cùng với chị T.

Khi ly hôn, chị Đoàn Thị T và anh Trần Trọng V đều đề nghị xin được nuôi con chung và không yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị T cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh chị đủ điều kiện nuôi dạy con chung gồm Hợp đồng lao động và đơn xác nhận lương của chị T tại Tổng Công ty M, chức danh chuyên môn: Quản lý sale: tháng 10/2023 là 18.460.000, tháng 11/2023 là 18.281.000, tháng 12/2023 là 18.350.000, tháng 01/2024 là 18.050.000, tháng 02/2024 là 18.380.000, tháng 03/2023 là 18.780.000; 01 Xác nhận Trường mầm non H, huyện T, tỉnh Hưng Yên về việc học tập của cháu Trần Việt A tại trường; Đơn trình bày của ông Đào Thế Q là bố đẻ chị T và vợ là bà Đào Thị P là mẹ đẻ chị T có xác nhận của UBND xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên thể hiện chị T và cháu Trần Việt A đang ở cùng ông bà, ông bà đồng ý tạo mọi điều kiện tốt nhất về chỗ ăn, ở cho chị T sinh sống, làm việc và chăm sóc con cái. Ông bà có thu nhập và có thời gian để phụ giúp chị T chăm sóc, đưa đón cháu đi học

Bị đơn anh Trần Trọng V cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh anh đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung gồm: Hợp đồng thuê nhà của anh tại V, M, N, Hà Nội (HĐ không có công chứng, chứng thực); Xác nhận lương của Công ty cổ phần T2 GREEN, chức vụ: nhân viên lái xe bộ phận TCHC, từ tháng 01 đến tháng 4/2024 lương mỗi tháng là 8.000.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xét về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì cả anh V và chị T đều đảm bảo đủ điều kiện, anh chị đều có chỗ ở và thu nhập ổn định. Tuy nhiên cháu Trần Việt A, sinh ngày 28/01/2022 tính đến thời điểm

Tòa án xét xử sơ thẩm thì cháu A vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Hơn nữa, hiện nay cháu A đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tại xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập không làm ảnh hưởng, xáo trộn điều kiện sống của cháu A nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao con chung cháu A cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị T và anh V đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tại phiên toà là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Trần Trọng V.

2. Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Việt A, sinh ngày 28/01/2022 cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được.

Anh Trần Trọng V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị T và anh V đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001163 ngày 15/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

P, tỉnh P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã P;
- Lưu VP, HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Việt Hưng